

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 706/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 6 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Sơn;
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh ngày 10/10/2000, số CCCD: 046300008122, ngày cấp: 13/6/2022, nơi cấp: Cục C. Nơi thường trú: Tổ dân phố L, phường H, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạm trú: Số B Đại lộ B, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Lê Long A, sinh ngày: 11/8/1999, số CCCD: 079099025039, ngày cấp: 23/9/2022, nơi cấp: Cục C. Nơi thường trú: Số A Tỉnh lộ 15, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 10/02/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Trần Thị N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Lê Long A quen biết tìm hiểu nhau năm 2021, tự nguyện xây dựng gia đình năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có tổ chức cưới. Sau khi xây dựng gia đình xong, vợ chồng bà thuê nhà sống tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến con cái, kinh tế trong nhà một mình bà phải lo toan, ông A còn có tính vũ phu, khi không vừa ý là đánh đập bà rất nhiều lần, từ tháng 12/2024, ông A bỏ về nhà chồng ở huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sống cho đến nay, bà nhận thấy bà

không còn chịu đựng được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/12/2022, bà cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Bà và ông A không có tài sản chung và nợ chung.

** Bị đơn là ông Nguyễn Lê Long A vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 09/5/2025, bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Lê Long A, con chung có 01 cháu bà đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông A hiện đang cư trú tại địa chỉ số A Tỉnh lộ 15, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Lê Long A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông A trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông A theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Lê Long A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 19/12/2022 do Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà N thì bà và ông A tự nguyện xây dựng gia đình năm 2022, sống hạnh phúc chỉ được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn do ông A sống vô tâm, không có trách nhiệm với gia đình, ông A sống vô tâm, kinh tế gia đình một mình bà xoay sở, ông A còn có tính vũ phu, đánh đập bà nhiều lần, từ tháng 12/2024 bà và ông A không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông A không đến Tòa án theo giấy triệu tập để có ý kiến về mối quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N, điều đó cho thấy ông A không còn muốn duy trì quan hệ vợ chồng cùng với bà N, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà N cung cấp, hiện bà N và ông A không còn chung sống cùng một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nhận thấy tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông A là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà N1 và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/12/2022. Ông A không đến Tòa án để có ý kiến về con chung, hiện cháu K đang sống cùng mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyệt không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà N1, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Trường hợp sau này bà N1 có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung:

Bà Nguyệt xác định bà và ông A không có tài sản chung.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà Nguyệt xác định bà và ông A không có nợ chung.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Trần Thị N về việc cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn Lê Long A.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 19/12/2022 do Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Lê Long A có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 1/12/2022.

Giao con chung cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc tạm thời không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị N xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị N xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0063647 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà N1 đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân phường Hương Hồ, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thúy Ái

